

ĐẶC TRUNG CỦA VĂN MIÊU TẢ DƯỚI GÓC NHÌN ĐỐI MỚI MỤC TIÊU GIÁO DỤC

○ TS. PHẠM MINH ĐIỀU*

Văn miêu tả (VMT) từ lâu đã trở thành một nội dung dạy học (DH) quan trọng trong chương trình (CT) Tập làm văn ở các cấp phổ thông và là đối tượng được nhiều người quan tâm nghiên cứu. Trước đây, VMT được DH trong nhà trường thường nghiêng về miêu tả (MT) nghệ thuật và chủ yếu xét tới phương diện thực hành. Từ năm 2000 đến nay, phân môn *Tập làm văn* có nhiều đổi mới trong quan niệm, nhất là sự khái quát thành 6 kiểu văn bản là *MT, tự sự, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận và văn bản hành chính*. Điều này dẫn đến cách hiểu khác trước về các kiểu văn bản. Theo đó, các kiểu văn bản *MT, tự sự, biểu cảm* không chỉ được xét trong phạm vi nghệ thuật. Chính vì thế, các vấn đề về đặc trưng của VMT cũng cần được xác định rõ, làm cơ sở khoa học cho việc DH VMT trong nhà trường phổ thông.

1. Các đặc trưng của MT và VMT

Xuất phát từ cái nhìn tổng thể về VMT, được xác định nhờ quan điểm đổi mới mục tiêu giáo dục, bài viết đưa ra các đặc trưng của MT và VMT như sau:

1) *MT là một loại hành vi gồm MT bằng lời và không bằng lời*. Chất liệu ngôn từ chi phối đặc trưng của VMT. Nghiên cứu và DH VMT cần bắt đầu từ *hành vi MT*. Có 2 loại hành vi MT: - *MT không bằng lời* là loại hành vi dùng các chất liệu ngoài ngôn ngữ để MT. Chẳng hạn, các nhà thiết kế thời trang MT ý tưởng bằng những hình vẽ, nhà kiến trúc MT ý tưởng qua các mô hình, nhà địa lí MT độ cao mặt đất bằng các màu sắc...; - *MT bằng lời* là loại hành vi sử dụng chất liệu ngôn ngữ để miêu tả. Hành vi này tạo ra sản phẩm là *văn bản MT* ở cả dạng nói và viết.

Do lấy ngôn từ làm chất liệu, VMT không thể sử dụng trực tiếp các đường nét, màu sắc hay âm thanh... để tái hiện đối tượng. Vì vậy, người đọc không thể trực tiếp nhìn thấy, nghe thấy... hình tượng MT như trong hội họa và âm nhạc. Tuy nhiên, VMT lại có thể sử dụng tình cảm, trí tuệ, thông qua trí tưởng tượng và ngôn từ để nhào

nặn, sáng tạo lại các đối tượng, dựa trên những kết quả quan sát, kinh nghiệm của người viết.

2) *VMT tồn tại ở nhiều lĩnh vực: khoa học, văn học - nghệ thuật, trong cuộc sống đời thường...* Trong mỗi lĩnh vực, VMT có những đặc điểm khác nhau:

- *VMT khoa học* có tính chân thật, chính xác, khách quan và trí tuệ. VMT trong khoa học có thể kèm theo sơ đồ, hình ảnh minh họa.

- *VMT nghệ thuật* hoạt động dựa trên quy luật của cái đẹp, lựa chọn các chi tiết đặc sắc nhằm MT đối tượng một cách sinh động và «có hồn». Ở trình độ cao, MT nghệ thuật bao giờ cũng gắn với «bút pháp». Một số bút pháp MT thường gặp là: *bút pháp ước lệ, tượng trưng, bút pháp lãng mạn, bút pháp hiện thực (tả chân)*... Ngoài ra, còn một số bút pháp khác gắn liền với các phương pháp và trào lưu văn học.

Các thể loại văn học như thơ và văn xuôi cũng chi phối đến đặc trưng của MT nghệ thuật. MT bằng văn xuôi thường dựng lại bức tranh cuộc sống với phạm vi và dung lượng rộng lớn; còn với đa số các bài thơ, bức tranh cuộc sống thường chỉ được MT ở một góc độ hẹp hơn; MT bằng thơ thường hướng tới nội dung tâm lí, còn MT bằng văn xuôi thường hướng tới hiện thực khách quan; ngôn ngữ MT trong thơ gọt giũa, hàm súc, còn ngôn ngữ MT trong văn xuôi gần gũi với cuộc sống thực hơn...

- *VMT đời thường* tồn tại trong sinh hoạt hàng ngày, mang đặc điểm tổng hợp của nhiều phong cách nhưng thường ngắn gọn, thiết thực và gắn liền với hoàn cảnh nói viết cụ thể.

3) *VMT trong nhà trường là hình thức tồn tại đặc biệt của VMT và mang những đặc điểm riêng*. Khác với VMT trong các lĩnh vực đời sống, VMT trong nhà trường, vì mục tiêu giáo dục nên mang tính «tập MT» và «tái MT». Ngoài ra, cả nội dung và hình thức của văn bản MT phải đạt tới tính chuẩn mực, tính mô phạm cao.

* Trường Đại học Hồng Đức

4) **Mục đích chính của VMT là tái hiện sự vật, hiện tượng với các dấu hiệu trực quan.** Đây là đặc trưng chủ yếu và nổi bật nhất của VMT, giúp nó phân biệt với các thể văn bản khác, nhất là với văn kể chuyện, văn biểu cảm và văn thuyết minh. VMT tập trung tái hiện các dấu hiệu vật chất của đối tượng như: hình dáng, kích thước, màu sắc, âm thanh, mùi vị, hoạt động... Đó là những dấu hiệu có thể khiến người đọc (người nghe, người xem) hình dung được đối tượng đang hiện ra trước mắt.

5) **VMT có thể «hình ảnh hóa» nội dung bên trong của đối tượng.** Nhiệm vụ của VMT không dừng lại ở việc tái hiện những dấu hiệu bên ngoài, mà còn tham gia vào việc tái hiện nội dung bên trong của đối tượng. Người phương Đông thường nói «vạn vật hữu linh» (vạn vật đều có linh hồn). VMT làm sao để «linh hồn» đó được hiện ra qua các hình ảnh của sự vật.

6) **VMT là sản phẩm của quan sát, suy ngẫm, so sánh, tưởng tượng...** Khi MT, phải có sự quan sát tinh tế để tìm được những chi tiết sinh động, phản ánh đúng và hấp dẫn nội dung bên trong của đối tượng; cần có trí tưởng tượng để sáng tạo những biểu hiện đặc trưng của sự vật, để tái tạo và hư cấu, lột tả được đúng «chân dung» của đối tượng.

7) **Nội dung của văn bản MT chứa đựng «thông tin - hình ảnh» bằng ngôn từ.** VMT không chấp nhận «MT để MT». Nó không phải tái hiện đối tượng theo kiểu «cây tre có mắt, nồi đồng có quai», mà phải mang đến cho người đọc những nội dung thông tin mới mẻ. Đó là những «thông tin- hình ảnh» bằng ngôn từ.

8) **MT bao giờ cũng xuất phát từ những «điểm nhìn» khác nhau.** Các loại điểm nhìn thường được nhắc tới gồm: *điểm nhìn không gian, điểm nhìn thời gian và điểm nhìn tâm lí.* Đáng chú ý trong điểm nhìn tâm lí là vị thế tức những tư cách, vị thế khác nhau của chủ thể khi MT. Ví dụ: MT ngôi trường với tư cách người đã xa trường; MT nông thôn dưới con mắt của người thành thị, tả cảnh gió mùa đông Bắc dưới cách nhìn của một HS miền Nam lần đầu ra Bắc...

9) **Ngôn ngữ VMT cụ thể, sinh động, giàu chất tạo hình.** Vì mục đích tái hiện đối tượng ở trạng thái vật chất, cụ thể, nên tính cụ thể, sinh động và tạo hình là đặc trưng của ngôn ngữ MT.

Trong tiếng Việt thường dùng hàng loạt các từ có khả năng «tạo hình» như: *trong trẻo, xanh xao, đen đui...* (từ láy); *xanh ngắt, xanh thẳm, xanh thăm, xanh om...* (từ ghép); *mèo mù vớ cá rán, đen như cột nhà cháy...* (thành ngữ)... Bên cạnh đó, người ta cũng thường dùng lối ví von,

so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ... để MT thêm sinh động. Và cuối cùng, để có tính tạo hình, VMT còn sử dụng khả năng biểu cảm của âm thanh ngôn ngữ (nhạc tính).

2. Đề xuất bổ sung về nội dung, PPDH VMT

Trong CT hiện hành, VMT được DH ở tiểu học, trung học cơ sở và một phần ở lớp 10 trung học phổ thông. Việc DH VMT hiện nay đã quan tâm tới «đích» MT; tới việc tái hiện các «dấu hiệu bên ngoài» và thể hiện «nội dung bên trong» của đối tượng; quan tâm tới các hoạt động quan sát, tưởng tượng, so sánh, thể nghiệm; một số kĩ năng về «điểm nhìn»; phát huy thể mạnh tiếng Việt trong VMT... Đó là những quan điểm đúng đắn và phù hợp. Tuy nhiên, xuất phát từ quan niệm mới về VMT trong nhà trường phổ thông, chúng tôi bổ sung một số luận điểm về nội dung và phương pháp DH VMT như sau:

1) **DH văn bản MT cần song hành với dạy hành vi MT.** Hành vi MT luôn luôn gắn bó với văn bản MT. Tuy vậy, trong thực tế, cả thầy và trò đôi khi vẫn lúng túng vì nhầm lẫn giữa dạy văn bản MT và dạy hành vi MT. Dạy hành vi MT đòi hỏi học sinh (HS) phải xác định rõ mục đích miêu tả (đích giao tiếp), phải thực hiện tốt các hoạt động trước và sau khi miêu tả như quan sát, tưởng tượng sáng tạo, thể nghiệm... Những yêu cầu trên đây đã được nhấn mạnh trong CT và SGK nhưng không phải lúc nào cũng được quan tâm với tư cách những yêu cầu của dạy hành vi MT. Dạy hành vi MT cho phép HS sử dụng các phương tiện biểu đạt ngoài văn bản, như tranh ảnh, kí hiệu, đồ hình... Dạy hành vi MT có ý nghĩa hết sức quan trọng. Tất nhiên, phân môn Tập làm văn phải chú trọng dạy hành vi MT bằng lời.

2) **DH VMT cần bình đẳng giữa các phong cách văn bản.** Hiện nay, DH VMT vẫn có thiên hướng VMT nghệ thuật. Điều này có nguyên nhân của DH truyền thống. Tuy nhiên, nếu nhìn vấn đề dưới quan điểm đổi mới mục tiêu giáo dục, ta thấy rằng, cần bình đẳng hơn giữa các phong cách văn bản khi DH VMT. Chẳng hạn, HS có thể được học các văn bản MT theo phong cách khoa học, phong cách báo chí...

3) **Cần đặc biệt quan tâm tới vấn đề «mức độ» trong DH VMT.** Dựa vào mục đích giáo dục, đặc điểm tâm - sinh lí lứa tuổi và đặc trưng của VMT để đề xuất các mức độ DH VMT, chúng tôi đề xuất 5 mức độ trong DH VMT với những yêu cầu cụ thể về kiến thức kĩ năng, bao gồm: 1) Tương ứng lớp 2-3 theo CT hiện hành; 2) Tương ứng với lớp 4; 3) Tương ứng với lớp 5; 4) Tương ứng với lớp 6; 5) Tương ứng với lớp 9-10.

3. Giới thiệu một số bài tập và đề văn minh họa

1) Bài tập và đề văn có yêu cầu về hành vi MT:

(1) Quan sát một bông hoa mà em thích và cho biết: hình dáng, màu sắc của bông hoa, cành hoa, lá hoa. Viết thành 3 đến 5 câu diễn đạt các ý đó.

(2) Lắng nghe âm thanh hàng ngày và trả lời câu hỏi: + Tiếng còi xe ô-tô, mô-tô, tiếng xe máy chạy trên đường như thế nào?; + Tiếng gáy, tiếng kêu của các con vật: gà, ngan, vịt, trâu, bò, lợn... Trong các con vật ấy, con nào có tiếng kêu khàn khàn.

2) Bài tập và đề văn có yêu cầu về mức độ MT:

(3) Dùng các từ trong ngoặc điền vào chỗ trống sao cho hợp nghĩa: ... thom tho, ... hôi hám; ... ngọt; ... nhạt; ... mặn; ... cay; ... chua (muối, gừng, hoa huệ, chuột chù, đường, nước lã, quả me, quả ớt) (sử dụng các giác quan để cảm nhận đặc điểm của đối tượng) (Mức 1)

(4) Em yêu thích mùa nào trong năm? Vì sao? Hãy nêu những dấu hiệu của mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông? (Bước đầu yêu cầu lựa chọn chi tiết) (Mức 2).

3) Bài tập và đề văn có yêu cầu MT theo phong cách khoa học (tóm tắt)

(5) Miêu tả một cái cây hoặc một bông hoa với những đặc điểm tự nhiên của loài cây, loài hoa ấy.

(6) Miêu tả một con gà chọi để giúp người khác hiểu được loại gà này.

(7) Tả chiếc áo dài Việt Nam.

(8) Miêu tả khu đền (hoặc chùa) để giúp người đọc hiểu về ngôi đền (chùa) ấy.

(9) Mô tả cấu trúc của một ngôi đình làng. □

Tài liệu tham khảo

1. Florence Benoit, Catherine Eterstein, Sylvie Dauvin. *Literature et pratique du français 3e*, Paris, 1999, p. 85.

2. Đỗ Ngọc Thống (chủ biên) - Phạm Minh Diệu. *Văn miêu tả trong nhà trường phổ thông*. NXB Giáo dục, H. 2003.

3. Nguyễn Trí. *Văn miêu tả và phương pháp dạy văn miêu tả*. NXB Giáo dục, H. 1993, tr. 7- 11.

THỂ LỆ CUỘC THI VIẾT “NHỮNG KỈ NIỆM SÂU SẮC VỀ GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM VÀ CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1084/QĐ-BGDĐT ngày 18/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)

I. MỤC ĐÍCH: - Cuộc thi nhằm tôn vinh, phổ biến kinh nghiệm của những giáo viên chủ nhiệm (GVCN) lớp có tình cảm, việc làm, thành tích tốt đẹp thông qua việc khuyến khích HS, SV, GV, cán bộ QLGD, phụ huynh HS viết về những kỉ niệm sâu sắc của họ đối với GVCN và công tác chủ nhiệm lớp; - Thông qua các bài viết nhằm phản ánh những tình cảm tốt đẹp của HS, SV, phụ huynh HS đối với thầy, cô giáo chủ nhiệm, góp phần nâng cao tình giáo dục về tấm gương đạo đức nhà giáo; - Cuộc thi đồng thời là đợt tuyên truyền về các phương pháp “giáo dục kỉ luật tích cực” trong công tác chủ nhiệm lớp. Đó là việc GVCN lớp sử dụng các biện pháp giáo dục HS mà không sử dụng đến các hình thức bạo lực, trừng phạt; thay vào đó là việc áp dụng các hình thức kỉ luật tích cực để giúp HS giảm thiểu những hành vi không phù hợp, củng cố các hành vi tích cực và phát triển nhân cách một cách tốt đẹp và bền vững.

II. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tên cuộc thi: “Những kỉ niệm sâu sắc về GVCN và công tác chủ nhiệm lớp”

2. Nội dung các tác phẩm dự thi

Tác phẩm dự thi tập trung vào “Những kỉ niệm sâu sắc về GVCN và công tác chủ nhiệm lớp”, cụ thể như sau: - Những ấn tượng sâu sắc về nhiệm vụ, vai trò của người GVCN trong nhà trường phổ thông; - Những trường hợp tiêu biểu, điển hình về khả năng sáng tạo với phương pháp kỉ luật tích cực (PPK LTC) trong quá trình thực hiện công tác chủ nhiệm; - Những kỉ niệm sâu sắc, những tác động và ảnh hưởng tích cực từ người GVCN đối với cá nhân tác giả.

3. Đối tượng tham gia: Các nhà QLGD; các thầy cô giáo đang trực tiếp đứng lớp, làm công tác chủ nhiệm; các thầy cô giáo đã nghỉ hưu; các bậc phụ huynh; các em HS, SV ở trong nước và nước ngoài đều có thể gửi bài tham gia cuộc thi.

4. Thể loại và hình thức trình bày: - Các tác phẩm dự thi phải viết bằng tiếng Việt, thể hiện dưới hình thức văn xuôi, mỗi tác phẩm tối thiểu 500 từ; - Các tác phẩm dự thi có thể viết tay hoặc đánh máy, trình bày rõ ràng trên một mặt giấy khổ A4; - Thông tin về tác giả và tác phẩm dự thi ghi rõ trên trang đầu tiên của tác phẩm dự thi để Ban tổ chức làm phách khi chấm (chi tiết xem phụ lục đính kèm); - Các tác phẩm dự thi chưa đăng tải trên sách báo, chưa công bố trên bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào.

Các tác phẩm dự thi sai quy định sẽ bị loại và BTC không chịu trách nhiệm giải quyết các khiếu nại có liên quan.

5. Cơ cấu và giá trị giải thưởng: Có 02 giải thưởng sẽ được trao cho các tập thể có nhiều tác phẩm dự thi đạt chất lượng tốt, bao gồm: Giấy chứng nhận (GCN) do Bộ GD-ĐT và Tổ chức Plan tại Việt Nam cấp và 5.000.000đ tiền thưởng cho mỗi giải. Có 21 giải thưởng sẽ được trao cho các cá nhân, bao gồm: - 01 giải Nhất: GCN do Bộ GD-ĐT và Tổ chức Plan tại Việt Nam cấp và 10.000.000đ tiền thưởng; - 02 giải Nhì: GCN do Bộ GD-ĐT và Tổ chức Plan tại Việt Nam cấp và 7.000.000đ tiền thưởng; - 03 giải Ba: GCN do Bộ GD-ĐT và Tổ chức Plan tại Việt Nam cấp và 5.000.000đ tiền thưởng; - 15 giải Khuyến khích: GCN do Bộ GD-ĐT và Tổ chức Plan tại Việt Nam cấp và 2.000.000đ tiền thưởng (tiền thưởng nêu trên đã bao gồm thuế thu nhập mà các tác giả đoạt giải phải thực hiện nghĩa vụ thuế của Nhà nước)

Kết quả cuộc thi sẽ được thông báo đến tác giả và đăng tải trên Báo Giáo dục và Thời đại (3 số báo liên tiếp), trên Website của Bộ GD-ĐT. Lễ tổng kết và trao giải thưởng sẽ được tổ chức vào dịp 20/11/2011.

6. Sử dụng tác phẩm: Tất cả các tác phẩm dự thi không trả lại tác giả. BTC được quyền sử dụng các tác phẩm tham gia dự thi phục vụ cho công tác tuyên truyền và các hoạt động của Phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực” và Dự án “Bảo vệ trẻ em - Tăng cường PPK LTC” dưới mọi hình thức theo quy định hiện hành của nhà nước.

7. Số lượng và thời hạn nhận tác phẩm thi: - Không hạn chế số lượng tác phẩm dự thi của mỗi tác giả; - Thời hạn cuối cùng nhận tác phẩm dự thi là ngày 30/9/2011 (các tác giả gửi qua đường bưu điện, Ban tổ chức sẽ căn cứ vào dấu bưu điện nơi gửi).

8. Địa chỉ nhận bài dự thi. Tác phẩm dự thi có thể gửi về 1 trong 2 địa chỉ sau: a) Cục Nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục - Bộ GD-ĐT, 30 Tạ Quang Bửu, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội (Bà Nguyễn Thị Hương - ĐT: 0989.398539/ Email: j); b) Vụ Công tác HS, SV - Bộ GD-ĐT, 49 Đại Cồ Việt, Hà Nội (Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - ĐT: 0904.388614/ Email: nttu@moet.edu.vn).

III. KINH PHÍ TỔ CHỨC: Kinh phí tổ chức cuộc thi thuộc nguồn kinh phí triển khai thực hiện dự án “Bảo vệ trẻ em - Tăng cường PPK LTC”.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Đã kí: Nguyễn Vinh Hiển